TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/DS-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2025
Tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Bà Trương Tuyết Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Tuấn A, sinh năm 1985 (có mặt).

Bà Dương Tú N, sinh năm 1990 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 0C, đường L, khóm 0, phường 0, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Nay là số 0C, đường L, phường L, tỉnh Cà Mau).

Bị đơn: Ông Thái Thanh T, sinh năm 1981.

Bà Mai Thuỳ L, sinh năm 1983.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Mai Thuỳ L là ông Thái Thanh T, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Số 0, đường Q, khóm 0, phường 0, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Nay là số 0 đường Q, phường T, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông Lê Tuấn A và bà Dương Tú N trình bày: Ngày 02/02/2019 ông bà có cho ông Thái Thanh T và bà Mai Thuỳ L vay tiền theo hợp đồng vay tiền có thế chấp được ký tại Phòng công chứng số 1 với số tiền vay là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Để bảo đảm việc thanh toán tiền gốc, tiền lãi, bên B (ông T và bà L) đã tự nguyện thế chấp cho bên A (ông Lê Tuấn A) các tài sản gồm: Xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG (xe tải có mui), mang biển số 69C-018.83 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001531 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 21/4/2015 do ông Thái Thanh T đứng tên và xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG (xe tải có mui), mang biển số 69C 016.98 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000971 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày

21/12/2014 do ông Thái Thanh T đứng tên. Ông T và Bà L có đóng lãi đủ cho ông bà đến hết tháng 06/2020 và một phần tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Từ thời điểm tháng 07/2020 đến nay ông tính lãi 1.66%/1 tháng và ông T có đóng lãi nhưng không đóng đủ và không đúng hạn, thời điểm đóng lãi gần nhất là ngày 07/03/2024 với số tiền lãi ước tính đến nay là 41.900.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu chín trăm nghìn đồng). Như vậy, tính đến nay ông T và bà L còn nợ ông bà tổng số tiền gốc là 450.000.000 đồng và lãi phát sinh từ thời điểm tháng 07/2020 đến nay là 56 tháng với số tiền là 418.320.000 đồng, trong đó Ông T và bà L đã trả lãi 41.900.000 đồng, do đó số tiền lãi còn lại là 376.420.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền còn nợ bao gồm cả gốc và lãi đến nay là 826.420.000 đồng (Tám trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà L đã trả vốn gốc cho ông bà 50.000.000 đồng và ông T và bà L có liên hệ với ông bà xin mượn lại giấy tờ xe đã thế chấp để vận chuyển hàng hóa, để xe hoạt động thuận tiện do không thể dùng giấy photo công chứng để lưu thông trên đường và ông bà cũng không có thẩm quyền để xác nhận trên giấy photo cho ông T lưu thông theo quy định của pháp luật, vì lý do đó và do tin tưởng nên ông bà đã giao giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông T và bà L mượn. Sau khi ông T có đủ điều kiện - giấy tờ xe thì ông T và bà L âm thầm lén lút đem xe chuyển nhượng sang tên cho người khác. Tiền sang bán xe ô tô ông T chi tiêu mà không trả tiền vay, tiền lãi suất vay cho ông bà, mặc dù hợp đồng vay tiền giữa ông bà và ông T, bà L vẫn còn hiệu lực chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ và thực hiện thanh lý hợp đồng tại cơ quan có thẩm quyền. Trong hợp đồng vay tiền tại Điều 5 có thỏa thuận quy định rõ: "Các tài sản thế chấp hoàn toàn thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên B, không nằm trong tài sản bị tranh chấp; Các tài sản hiện tại chưa thế chấp, cầm cố, bảo lãnh cho bất kì ai hoặc đảm bảo cho bất kì nghĩa vụ nào; Bên B bảo đảm trong thời gian vay, bảo quản, quản lý sử dụng tài sản và không làm thay đổi cấu trúc tài sản đã thế chấp cho bên A...". Việc ông T và bà L không trả nợ và không đóng lãi đã gây cho ông bà nhiều khó khăn thiệt hại. Do đó, ông bà khởi kiện yêu cầu ông T và bà L thanh toán cho ông bà tổng cộng số tiền 826.420.000 đồng, trong đó: Buộc ông Thái Thanh T và bà Mai Thùy L phải trả số tiền gốc 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Buộc ông T và bà Li trả số tiền lãi phát sinh với lãi suất 1,66%/tháng trong thời gian 56 tháng (từ tháng 7/2020 đến tháng 3/2025) với số tiền 376.420.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) và lãi phát sinh đến khi giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Thái Thanh T trình bày: Ngày 02/02/2019 vợ chồng ông có vay tiền của ông Lê Tuấn A, bà Dương Tú N theo hợp đồng vay tiền có thế chấp được ký tại Phòng công chứng số 1 với số tiền vay là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, mỗi tháng đóng lãi 15.000.000 đồng. Quá trình vay ông đã đóng lãi được 04 tháng là 60.000.000 đồng. Sau đó, do hoàn cảnh khó khăn nên ông thỏa thuận với ông Tuấn A, bà Tú N cho ông đóng lãi 2%/tháng, mỗi tháng đóng 10.000.000 đồng và ông đã đóng lãi đầy đủ cho đến ngày 19/6/2020.

Để đảm bảo khoản vay trên vợ chồng ông có thế chấp cho nguyên đơn các tài sản gồm: Xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG (xe tải có mui), mang biển số: 69C - 018.83 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001531 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 21/4/2015 do ông Thái Thanh T đứng tên và xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG (xe tải có mui), mang biển số 69C - 016.98 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000971 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 21/12/2014 do ông Thái Thanh T đứng tên. Sau đó, do lưu thông xe gặp khó khăn nên vợ chồng ông đã xin nguyên đơn cho vợ chồng ông được nhận lại bản gốc giấy chứng nhận 02 xe trên. Nguyên đơn đã giao lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 69C - 018.83 và xe ô tô mang biển số 69C - 016.98 cho vợ chồng ông.

Ngày 19/6/2020 ông bán chiếc xe mang biển số 69C - 018.83, ông có hỏi ý kiến ông Tuấn A khi bán xe. Sau khi bán xe ông đã trả vốn cho ông Tuấn A, bà Tú N 200.000.000 đồng tiền gốc, trả bằng tiền mặt, không có biên nhận trả nợ. Sau ngày 19/6/2020 ông thỏa thuận với ông Tuấn A, bà Tú N trả lãi mỗi tháng 5.000.000 đồng. Việc trả lãi có lúc chuyển khoản, có lúc trả tiền mặt, không có biên nhận trả lãi. Tổng số tiền lãi ông trả cho ông Tuấn A, bà N hơn 200.000.000 đồng. Đối với xe ô tô nhân hiệu DONGFENG (xe tải có mui), mang biển số 69C-016.98 hiện ông cũng đã bán vào tháng 6/2022 được số tiền 200.000.000 đồng nhưng không có thanh toán nợ cho nguyên đơn. Nay ông đồng ý thanh toán cho ông Tuấn A, bà Tú N số tiền vốn 300.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 7/2020 đến khi giải quyết vụ án.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn xác định, từ khi vay tiền ngày 02/02/2019 thì bị đơn trả lãi liên tục được 07 tháng với số tiền 75.000.000 đồng thì ngưng trả lãi, đến tháng 6/2020 bị đơn trả 200.000.000 đồng, trong đó: vốn là 50.000.000 đồng và tiền nợ lãi 10 tháng số tiền 150.000.000 đồng, hiện còn nợ lại tiền vốn là 450.000.000 đồng từ tháng 7/2020 cho đến nay chưa trả. Sau đó, bị đơn có trả lãi đến tháng khoảng tháng 3/2024 được số tiền khoảng hơn 40 triệu đồng, trả lãi không đầy đủ. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vốn 450.000.000 đồng và tiền lãi 376.420.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 826.420.000 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn xác định còn nợ tiền vốn 300.000.000 đồng và đồng ý trả lãi theo lãi suất nhà nước từ tháng 7/2020 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định, ngày 02/02/2019 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 3%/tháng và thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG (xe tải có mui), mang biển số 69C - 018.83, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001531 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 21/4/2015 do ông Thái Thanh Tuấn đứng tên và xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG (xe tải có mui), mang biển số 69C - 016.98 theo giấy chứng

nhận đăng ký xe ô tô số 000971 do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 21/12/2014 do ông Thái Thanh T đứng tên, đóng lãi hàng tháng. Việc thoả thuận vay, thế chấp tài sản có lập Hợp đồng được công chứng tại Phòng công chứng số 1 ngày 02/02/2019. Nguyên đơn đã đưa đủ số tiền 500.000.000 đồng cho bị đơn nhận, bị đơn đã đưa bản chính 02 giấy chứng nhận đăng ký xe cho nguyên đơn giữ để làm tin theo hợp đồng vay thế chấp đã ký. Sau khi vay thì bị đơn đóng lãi 3% được 05 tháng với số tiền 75.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng sau khi đóng lãi được 5 tháng thì do tình hình dịch Covid – 19 nên bị đơn không tiếp tục đóng lãi, đến tháng 6/2020 thì bị đơn cho trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng, trong đó: tiền nợ lãi của 10 tháng là 150.000.000 đồng và tiền vốn 50.000.000 đồng nên số tiền nợ vốn còn lại là 450.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng, sau khi đóng lãi 05 tháng đầu xong, do hoàn cảnh khó khăn nên những tháng sau có đóng lãi nhưng không đóng đủ, có tháng đóng 10 triệu, có tháng đóng 05 triệu, đóng đến tháng 6/2020 thì bị đơn có trả tiền vốn 200.000.000 đồng cho nguyên đơn, còn nợ lại tiền vốn 300.000.000 đồng. Lời trình bày của bị đơn cho rằng có việc trả lãi sau 5 tháng đầu, trả lãi đến đến tháng 6/2020 thì trả vốn 200.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh. Tại phiên toà, nguyên đơn có cung cấp tài liệu là đoạn tin nhắn, ngày 10/02/2020 nguyên đơn có nhắn tin cho bị đơn thông báo cho bị đơn biết còn nợ 06 tháng tiền lãi chưa đóng (có sao kê tin nhắn kèm theo), nếu tính đến tháng 6/2020 thì bị đơn còn nợ tiền lãi thời gian là 10 tháng với số tiền 150.000.000 đồng là phù hợp. Do đó, có căn cứ xác định số tiền 200.000.000 đồng bị đơn trả cho nguyên đơn vào tháng 6/2020 là bao gồm tiền nợ lãi 150.000.000 đồng và tiền vốn 50.000.000 đồng. Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vốn còn nợ là 450.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

Xét yêu cầu về lãi suất: Số tiền lãi được tính như sau:

- Từ 02/02/2019 đến tháng 6/2020 số tiền lãi đã đóng của 500.000.000 đồng: Do thoả thuận lãi suất 3% và số tiền lãi đã đóng 225.000.000 đồng (15 tháng) vượt mức quy định pháp luật nên được điều chỉnh lại cho phù hợp. Cụ thể: 500.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 15 tháng = 124.500.000 đồng; Đối trừ, số tiền lãi đã trả dư là 100.500.000 đồng.

- Từ tháng 7/2020 đến ngày xét xử là 60 tháng 28 ngày: Tiền lãi phải trả của số tiền vốn còn nợ lại là 450.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 60 tháng 28 ngày = 454.674.000 đồng, trừ cho số tiền lãi đã trả dư nêu trên 100.500.000 đồng và tiền lãi bị đơn đã trả đến tháng 3/2024 số tiền 45.900.000 đồng, còn lại tiền lãi phải trả là 308.274.000 đồng.

Tổng vốn và lãi bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 758.274.000 đồng.

Xét tài sản thế chấp: Do nguyên đơn đã giao lại bản chính 02 giấy chứng nhận đăng ký xe được thế chấp theo hợp đồng ký ngày 02/02/2019 cho bị đơn giữ và bị đơn đã bán xe cho người khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét các tài sản đã thế chấp này.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu cầu khởi kiện của ông Lê Tuấn A, bà Dương Tú N. Buộc ông Thái Thanh T, bà Mai Thuỳ L có trách nhiệm trả cho ông Lê Tuấn A, bà Dương Tú N số tiền 758.274.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tuấn A, bà Dương Tú N về việc buộc ông Thái Thanh T, bà Mai Thuỳ L trả số tiền 68.146.000 đồng.

3/ Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Ông Lê Tuấn A, bà Dương Tú N phải chịu án phí 3.407.000 đồng. Ngày 25/3/2025 ông Lê Tuấn A, bà Dương Tú N có nộp tạm ứng số tiền 18.396.000 đồng theo lai thu số 0010547 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cà Mau) được chuyển thu, đối trừ. Ông Lê Tuấn A, bà Dương Tú N được nhận lại số tiền 14.989.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Thái Thanh T, bà Mai Thuỳ L phải chịu án phí 34.330.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA